TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/7/2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1992;

Thường trú: Xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nông Thanh T, sinh năm 1993;

Thường trú: xã C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tạm trú: 737/8 khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Chị Lê Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Nông Thanh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nông Thanh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2012 ngày 10/10/2012. Thời gian đầu, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vả và bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Lê Thị H khai vợ chồng có một con chung: Nông Quốc K, sinh ngày 24/01/2013. Chị Lê Thị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nông Quốc K, tự nguyện không yêu cầu anh Nông Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị Lê Thị H đang làm việc xa nhà nên gửi cháu K cho mẹ ruột tạm thời nuôi dưỡng chăm sóc tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị H làm việc tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, có thu nhập 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nông Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Thanh T thống nhất với trình bày của chị Lê Thị H về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, những mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân được hai năm. Trước yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H thì anh Nông Thanh T đồng ý.

Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nông Quốc K, tự nguyện không yêu cầu chị Lê Thị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu K đang được mẹ ruột chị H nuôi dưỡng chăm sóc tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh T làm việc tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có thu nhập 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị H thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có đăng ký tạm trú tại địa chỉ số 737/8, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thị xã D thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 01/6/2018, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nông Thanh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh

Cao Bằng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2012 ngày 10/10/2012 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị H và anh T đều thống nhất từ năm 2017, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn vì tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vả và bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2017 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Chị H đang sống và làm việc tại tỉnh Bắc Ninh, anh T sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương. Trong quá tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đồng ý ly hôn với chị H nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nông Quốc K, sinh ngày 24/01/2013. Chị H và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không ai đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay anh T và chị H đều đi làm xa nhà, cháu K đang tạm thời được gửi tại nhà bà ngoại tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa, điều kiện học tập và sinh sống đã ổn định. Chị H đang làm việc tại tỉnh Bắc Ninh, có thu nhập ổn định, có thể thường xuyên về nhà chăm sóc quan tâm con; Anh T làm việc tại tỉnh Bình Dương, đang thuê nhà ở, điều kiện thăm nom chăm sóc con cũng gặp khó khăn hơn. Theo lời thừa nhận của anh T và chị H thì gia đình anh T đang sinh sống hiện nay thuộc tỉnh vùng cao (thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng) môi trường sống xung quanh có người nghiện chất kích thích (ma túy) nên có thể ảnh hưởng xấu đến quá trình phát triển thể chất và tinh thần đối với cháu K. Do đó, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nông Quốc K là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nông Thanh T. (Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2012 ngày 10/10/2012 do UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp).

2. Về con chung: Buộc anh Nông Thanh T giao con chung cháu Nông Quốc K, sinh ngày 24/01/2013 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nông Thanh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Nông Thanh T và chị Lê Thị H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường

hợp anh T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị H nuôi con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019484, ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương. Chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn.

6. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Hạnh